

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TH&THCS VIỆT DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục, năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp7	Lớp8	Lớp9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	224	60	61	56	47
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	174 (77,7)	45	43	50	36
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42 (18,8)	13	13	5	11
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	8 (3,57)	2	5	1	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	224	60	61	56	47
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	27 (12,1)	6	5	9	7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	92 (41,1)	27	23	30	12
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	105 (46,9)	27	33	17	28
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	224 (100%)	60	61	56	47
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	27 (12,1)	6	5	9	7
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	92 (41,1)	27	23	30	12
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2/2	0/0	1/1	1/1	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	5	2	3	0	0

2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	47	0	0	0	47
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	47	0	0	0	47
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	7 (15%)	0	0	0	7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12 (25,5%)	0	0	0	12
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	28 (59,5%)	0	0	0	28
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	120/104	35/25	29/32	29/27	27/20
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Đông Triều, ngày 3 tháng 9 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Ngô Thị Nguyệt